

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **701** /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày **11** tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành
và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng**

UBND. TỈNH KHÁNH HÒA

ĐẾN Số: **1559**
Ngày: **22/3**

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

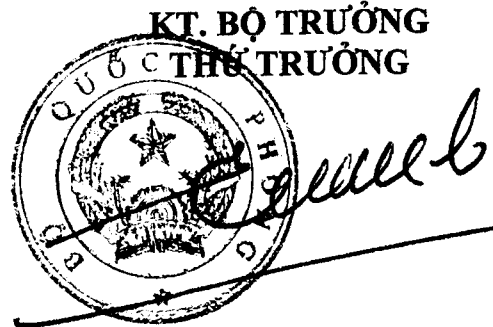
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 07 thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết tố cáo được quy định tại Quyết định số 6184/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng công bố Bộ thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ph*

Nơi nhận:

- Các đồng chí Lãnh đạo BQP;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Thanh tra BQP;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, CCHC. Tr204.



Thượng tướng Nguyễn Tân Cương



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BÃI BỎ
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**

(Kèm theo Quyết định số: 701/QĐ-BQP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
01	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Bộ Quốc phòng	Giải quyết tố cáo	Thanh tra Bộ Quốc phòng	
02	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng	Giải quyết tố cáo	Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng	
03	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh 86 và cấp tương đương, Ban Cơ yếu Chính phủ	Giải quyết tố cáo	Thanh tra Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh 86 và cấp tương đương, Ban Cơ yếu Chính phủ	
04	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và cấp tương đương	Giải quyết tố cáo	Thanh tra Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và cấp tương đương	
05	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện và cấp tương đương	Giải quyết tố cáo	Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cấp Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện và cấp tương đương	

06	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương	Giải quyết tố cáo	Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương	
07	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương	Giải quyết tố cáo	Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm của Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương	

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
01	1.008289	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Bộ Quốc phòng	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ	Giải quyết tố cáo	Thanh tra Bộ Quốc phòng
02	1.008290	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, Tổng cục II	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ	Giải quyết tố cáo	Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, Tổng cục II
03	2.001835	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Ban Cơ yếu Chính phủ và cấp tương đương	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ	Giải quyết tố cáo	Thanh tra Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Ban Cơ yếu Chính phủ và cấp tương đương
04	1.004521	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và cấp tương đương	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ	Giải quyết tố cáo	Thanh tra Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và cấp tương đương

05	1.008291	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện và cấp tương đương	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ	Giải quyết tố cáo	Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cấp Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện và cấp tương đương
06	2.001847	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ	Giải quyết tố cáo	Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương
07	2.001845	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ	Giải quyết tố cáo	Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm của Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

1. Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Bộ Quốc phòng

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Thụ lý tố cáo

Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao Thanh tra Bộ Quốc phòng xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo có thể giao các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018.

+ Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.

+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

- Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

- Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo

- Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh). Trường hợp thành lập Tổ xác minh thì phải có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng.

- Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố cáo. Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung cần xác minh.

- Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.

- Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.

Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:

- Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:

- + Kết quả xác minh nội dung tố cáo.
- + Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật.
- + Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo.
- + Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật.
- + Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:

- Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý.

Người giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì cơ quan, đơn vị, cá nhân đó phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

b) Cách thức thực hiện

Có 02 hình thức tố cáo:

- Tố cáo được thực hiện bằng đơn (gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng).

- Tố cáo được trình bày trực tiếp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo.

+ Các tài liệu liên quan.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra Bộ Quốc phòng.

g) Kết quả thực hiện TTHC

Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 01 - TC đến Mẫu số 25 - TC được quy định tại Phụ lục III - Danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động giải quyết tố cáo kèm theo Quyết

định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018:
- + Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Tố cáo năm 2018.
- + Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.
- + Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.
- + Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

- Người bị tố cáo không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14.
- Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.
- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.
- Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

2. Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Thụ lý tố cáo

Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao cơ

quan Thanh tra cùng cấp xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo có thể giao các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018.

+ Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.

+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

- Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

- Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo

- Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác

minh). Trường hợp thành lập Tổ xác minh thì phải có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng.

- Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố cáo. Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung cần xác minh.

- Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.

- Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.

Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:

- Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:

+ Kết quả xác minh nội dung tố cáo.

+ Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật.

+ Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo.

+ Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật.

+ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:

- Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý.

Người giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc

việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì cơ quan, đơn vị, cá nhân đó phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

b) Cách thức thực hiện

Có 02 hình thức tố cáo:

- Tố cáo được thực hiện bằng đơn (gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng).

- Tố cáo được trình bày trực tiếp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo.

+ Các tài liệu liên quan.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ nhiệm các Tổng cục, Tổng cục trưởng Tổng cục II, Cục trưởng và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, Cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng.

g) Kết quả thực hiện TTHC

Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 01 - TC đến Mẫu số 25 - TC được quy định tại Phụ lục III - Danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động giải quyết tố cáo kèm theo Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018:
- + Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Tố cáo năm 2018.
- + Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.
- + Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.
- + Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

- Người bị tố cáo không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14.

- Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

- Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

3. Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh 86 và cấp tương đương, Ban Cơ yếu Chính phủ

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Thụ lý tố cáo

Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao cơ quan Thanh tra cùng cấp xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo có thể giao các cơ quan, đơn vị thuộc Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô

Hà Nội, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh 86 và cấp tương đương, Ban Cơ yếu Chính phủ xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018.

+ Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.

+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

- Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

- Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo

- Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh). Trường hợp thành lập Tổ xác minh thì phải có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng.

- Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố cáo. Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung cần xác minh.

- Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.

- Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.

Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:

- Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:

+ Kết quả xác minh nội dung tố cáo.

+ Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật.

+ Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo.

+ Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật.

+ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:

- Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý.

Người giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì cơ quan, đơn vị, cá nhân đó phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

b) Cách thức thực hiện

Có 02 hình thức tố cáo:

- Tố cáo được thực hiện bằng đơn (gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Trụ sở Tiếp công dân Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh 86 và cấp tương đương, Ban Cơ yếu Chính phủ).

- Tố cáo được trình bày trực tiếp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo.

+ Các tài liệu liên quan.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tư lệnh Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh 86 và cấp tương đương, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra quốc phòng Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Thanh tra Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh 86 và cấp tương đương, Ban Cơ yếu Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện TTHC

Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 01 - TC đến Mẫu số 25 - TC được quy định tại Phụ lục III - Danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động giải quyết tố cáo kèm theo Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018:
- + Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Tố cáo năm 2018.
- + Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.
- + Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.
- + Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

- Người bị tố cáo không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14.

- Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

- Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

4. Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và cấp tương đương

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Thụ lý tố cáo

Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao cơ quan Thanh tra cùng cấp xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo có thể giao các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và cấp tương đương xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết

định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018.

+ Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.

+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

- Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

- Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo

- Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh). Trường hợp thành lập Tổ xác minh thì phải có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng.

- Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố

cáo. Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung cần xác minh.

- Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.

- Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.

Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:

- Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:

+ Kết quả xác minh nội dung tố cáo.

+ Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật.

+ Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo.

+ Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật.

+ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:

- Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý.

Người giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì cơ quan, đơn vị, cá nhân đó phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

b) Cách thức thực hiện

Có 02 hình thức tố cáo:

- Tố cáo được thực hiện bằng đơn (gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Trụ sở Tiếp công dân hoặc nơi tiếp công dân của Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và cấp tương đương).

- Tố cáo được trình bày trực tiếp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo.

+ Các tài liệu liên quan.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tư lệnh Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và cấp tương đương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và cấp tương đương.

g) Kết quả thực hiện TTHC

Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 01 - TC đến Mẫu số 25 - TC được quy định tại Phụ lục III - Danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động giải quyết tố cáo kèm theo Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018:

+ Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Tố cáo năm 2018.

+ Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

+ Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

+ Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

- Người bị tố cáo không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14.

- Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

- Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

5. Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện và cấp tương đương

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Thụ lý tố cáo

Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao cơ quan Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cùng cấp xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo có thể giao các cơ quan, đơn vị thuộc Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện và cấp tương đương xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018.

+ Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với

người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.

+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

- Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

- Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo

- Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh). Trường hợp thành lập Tổ xác minh thì phải có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng.

- Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố cáo. Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ

tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung cần xác minh.

- Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.

- Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.

Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:

- Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:

+ Kết quả xác minh nội dung tố cáo.

+ Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật.

+ Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo.

+ Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật.

+ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm

quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:

- Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý.

Người giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì cơ quan, đơn vị, cá nhân đó phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

b) Cách thức thực hiện

Có 02 hình thức tố cáo:

- Tố cáo được thực hiện bằng đơn (gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến địa điểm Tiếp công dân của Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện và cấp tương đương).

- Tố cáo được trình bày trực tiếp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo.

+ Các tài liệu liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc học viện, Hiệu trưởng nhà trường, Viện trưởng Viện nghiên cứu, Giám đốc bệnh viện và cấp tương đương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cấp Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện và cấp tương đương.

g) Kết quả thực hiện TTHC

Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 01 - TC đến Mẫu số 25 - TC được quy định tại Phụ lục III - Danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động giải quyết tố cáo kèm theo Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018:

+ Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Tố cáo năm 2018.

+ Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

+ Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

+ Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

- Người bị tố cáo không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14.

- Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

- Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

6. Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Thụ lý tố cáo

Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao cơ quan Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cùng cấp xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo có thể giao các cơ quan, đơn vị thuộc Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018.

+ Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người

tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.

+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

- Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

- Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo

- Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh). Trường hợp thành lập Tổ xác minh thì phải có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng.

- Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố cáo. Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung cần xác minh.

- Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.

- Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.

Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:

- Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:

+ Kết quả xác minh nội dung tố cáo.

+ Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật.

+ Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo.

+ Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật.

+ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ

quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:

- Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý.

Người giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì cơ quan, đơn vị, cá nhân đó phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

b) Cách thức thực hiện

Có 02 hình thức tố cáo:

- Tố cáo được thực hiện bằng đơn (gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Trụ sở hoặc địa điểm Tiếp công dân của Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương).

- Tố cáo được trình bày trực tiếp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo.

+ Các tài liệu liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục trưởng, Sư đoàn trưởng, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra quốc phòng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương.

g) Kết quả thực hiện TTHC

Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 01 - TC đến Mẫu số 25 - TC được quy định tại Phụ lục III - Danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động giải quyết tố cáo kèm theo Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018:

+ Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Tố cáo năm 2018.

+ Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

+ Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

+ Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại

không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

- Người bị tố cáo không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14.

- Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

- Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

7. Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Thụ lý tố cáo

Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cùng cấp xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo tự mình xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018.

+ Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.

+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận

vào văn bản.

- Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

- Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo

- Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh). Trường hợp thành lập Tổ xác minh thì phải có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng.

- Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cùng cấp hoặc tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố cáo. Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cùng cấp hoặc tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung cần xác minh.

- Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.

- Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.

Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:

- Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:

+ Kết quả xác minh nội dung tố cáo.

+ Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật.

+ Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo.

+ Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật.

+ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:

- Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý.

Người giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho tổ chức, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho tổ chức, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì đơn vị, cá nhân đó phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

b) Cách thức thực hiện

Có 02 hình thức tố cáo:

- Tố cáo được thực hiện bằng đơn (gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến địa điểm Tiếp công dân của Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương).

- Tố cáo được trình bày trực tiếp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo.

+ Các tài liệu liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện, Đồn trưởng Đồn Biên phòng và cấp tương đương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm của Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương.

g) Kết quả thực hiện TTHC

Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 01 - TC đến Mẫu số 25 - TC được quy định tại Phụ lục III - Danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động giải quyết tố cáo kèm theo Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018:

+ Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Tố cáo năm 2018.

+ Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.

+ Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.

+ Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

- Người bị tố cáo không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14.
 - Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.
 - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.
 - Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng./
-

.....¹
.....²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-....³

.....⁴, ngày tháng năm

BIÊN BẢN LÀM VIỆC
(Ghi nội dung tố cáo trực tiếp)

Hôm nay, vào hồi ... giờ... ngày... /.../..., tại.....²,

I. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Người tiếp nhận tố cáo

- Đồng chí cấp bậc..... chức vụ
- Đồng chí cấp bậc... chức vụ

2. Người tố cáo (hoặc người được đại diện cho những người tố cáo)

Ông (bà)/Đồng chí cấp bậc..... chức vụ

Địa chỉ Số điện thoại:

Số CMND/CCCD/hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp:⁵

II. NỘI DUNG TỐ CÁO

...../.....⁶

III. TÀI LIỆU, BẰNG CHỨNG DO NGƯỜI TỐ CÁO CUNG CẤP

.....⁷

IV. YÊU CẦU CỦA NGƯỜI TỐ CÁO

.....⁸

Buổi làm việc kết thúc vào giờ cùng ngày.

Người tố cáo đã đọc lại (hoặc được nghe đọc) biên bản và ký xác nhận.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

NGƯỜI TỐ CÁO

NGƯỜI TIẾP NHẬN TỐ CÁO

(Chữ ký hoặc điểm chỉ)

(Chữ ký, dấu-nếu có)

(Họ và tên)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị tiếp nhận tố cáo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ghi biên bản.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Nếu không có CMND/CCCD/hộ chiếu thì ghi các thông tin theo giấy tờ tùy thân.
- (6) Ghi rõ những nội dung tố cáo và những thông tin khác có liên quan (nếu có).
- (7) Đánh số thứ tự và ghi rõ tên thông tin, tài liệu, bằng chứng, số trang của từng tài liệu, tình trạng của thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (8) Yêu cầu khác của người tố cáo.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹
.....²
Số: /PC -³

.....⁴, ngày tháng năm

PHIẾU CHUYỂN ĐƠN TỐ CÁO

Kính gửi:⁵

Địa chỉ:

Ngày ... /.../...,² đã nhận được đơn tố cáo của đồng chí (hoặc ông/bà).....⁶;

Đơn vị (địa chỉ):

Nội dung đơn:

Sau khi xem xét, căn cứ quy định của Luật tố cáo² chuyển đơn tố cáo của đồng chí (ông/bà)⁶ đến.....⁵ để giải quyết theo quy định của pháp luật./.

.....⁷

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁶;
- Lưu: VT, ...⁸ : ...⁹.

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị chuyển đơn tố cáo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị chuyển đơn tố cáo.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
- (6) Họ tên, cấp bậc, chức vụ (nếu có) của người tố cáo.
- (7) Chức vụ Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chuyển đơn tố cáo.
- (8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (9) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB -³

.....⁴, ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc chuyển đơn tố cáo

Kính gửi:⁵

Đơn vị (địa chỉ):

Ngày ... /.../...,² đã nhận được đơn của đồng chí (hoặc ông/bà) tố cáo⁶

Nội dung đơn:⁷

Sau khi xem xét, căn cứ quy định của pháp luật về tố cáo, nội dung tố cáo của đồng chí (hoặc ông/bà) thuộc thẩm quyền giải quyết của⁸,² đã chuyển đơn tố cáo nêu trên đến⁸ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vậy² thông báo để đồng chí (hoặc ông /bà) biết./

.....⁹

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...¹⁰ ...¹¹.

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị thông báo chuyển đơn tố cáo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị thông báo chuyển đơn tố cáo.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Họ tên người tố cáo.
- (6) Tên cơ quan, tổ chức, họ tên, cấp bậc, chức vụ cá nhân bị tố cáo.
- (7) Tóm tắt nội dung đơn.
- (8) Tên cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.
- (9) Chức danh Thủ trưởng cơ quan, đơn vị gửi thông báo.
- (10) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (11) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

¹..., ngày ... tháng...năm...

ĐƠN RÚT TỐ CÁO

Kính gửi:²

Tên tôi là:³

Địa chỉ:

Tôi đề nghị với.....²cho tôi rút nội dung tố cáo.....⁴

NGƯỜI RÚT TỐ CÁO

(Chữ ký hoặc điểm chỉ)

(Cấp bậc, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (2) Tên cơ quan, đơn vị tiếp nhận tố cáo.
- (3) Họ, tên (cấp bậc, chức vụ) người làm đơn rút tố cáo.
- (4) Ghi rõ từng nội dung tố cáo được rút hoặc rút toàn bộ nội dung tố cáo trong đơn tố cáo ngày ...tháng... năm....

.....¹
.....²
Số: /BB -³

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁴ ..., ngày ... tháng ... năm...

BIÊN BẢN
Ghi nhận việc rút tố cáo

Vào hồi...giờ... ngày... /.../..., tại

Tôi là.....⁵... đã làm việc trực tiếp với.....⁶ về việc đề nghị rút nội dung tố cáo. Đồng chí (Ông/bà).....⁶ đề nghị với.....⁷ cho rút.....⁸

Buổi làm việc kết thúc hồi... giờ... phút cùng ngày.

Biên bản này đã đọc cho người rút tố cáo nghe và ký xác nhận dưới đây.

Biên bản được lập thành.... bản và giao cho...⁶ 01 bản./.

NGƯỜI RÚT TỐ CÁO
(*Chữ ký hoặc điểm chỉ*)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(*Chữ ký*)

Họ và tên

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, đơn vị của người lập biên bản.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ghi biên bản rút tố cáo.
- (4) Địa danh (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Họ tên, cấp bậc, chức vụ, cơ quan của người lập biên bản ghi nhận việc rút tố cáo.
- (6) Họ tên, cấp bậc, chức vụ của người rút tố cáo.
- (7) Chức vụ, chức danh của người giải quyết tố cáo.
- (8) Ghi rõ từng nội dung tố cáo được rút hoặc rút toàn bộ nội dung tố cáo trong đơn tố cáo ngày ...tháng... năm....

.....¹
.....²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-....³...

.....⁴..., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO
Về nội dung tố cáo

.....² đã nhận được đơn tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của⁵.

Theo quy định của pháp luật,⁶.

Vậy thông báo để⁵ biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người bị tố cáo theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

-⁵;
- Lưu: VT,⁷.....⁸.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành thông báo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành thông báo.
- (4) Địa danh (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Tên cơ quan, đơn vị, họ và tên của người bị tố cáo.
- (6) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo đã thụ lý tố cáo (ghi rõ nội dung thụ lý tố cáo và thời hạn giải quyết tố cáo).
- (7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (8) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐX-...³

.....⁴, ngày tháng năm

PHIẾU ĐỀ XUẤT
Thụ lý tố cáo

Kính gửi:⁵.

Đồng chí ... cấp bậc, họ tên, chức vụ/ông (bà)⁶
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (hoặc giấy tờ tùy thân):....., ngày
 cấp:/...../....., nơi cấp
 Địa chỉ:⁷
 Có đơn tố cáo gửi đến⁸;
 Nội dung tố cáo:⁸;
 Căn cứ nội dung tố cáo, quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo tại ...⁹;
 Sau khi kiểm tra các điều kiện thụ lý, ...² đề nghị⁵ xem
 xét, quyết định việc thụ lý tố cáo nêu trên./.

Nơi nhận:

- ...⁵;
 - Lưu: VT, ...¹¹ ...¹².

.....¹⁰
 (Chữ ký, dấu-nếu có)
 (Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị lập phiếu đề xuất.
- (3) Chữ viết tắt cơ quan, đơn vị lập phiếu đề xuất.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Chức danh của người giải quyết tố cáo.
- (6) Họ tên người tố cáo (hoặc người đại diện của những người tố cáo).
- (7) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo hoặc cơ quan, đơn vị tiếp nhận tố cáo.
- (8) Tóm tắt nội dung vụ việc.
- (9) Điều, khoản, văn bản quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo.
- (10) Chỉ huy, cơ quan, đơn vị hoặc cán bộ đề xuất.
- (11) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (12) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB -³

.....⁴, ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc thụ lý tố cáo

Ngày... /.../...,...² đã nhận được tố cáo của⁵
 (Tố cáo do.....⁶ chuyển đến)

Nội dung đơn: Tố cáo⁷ về việc⁸

Theo quy định của pháp luật,⁹ đã ban hành Quyết định số .../QĐ-
 ... ngày .../.../... thụ lý tố cáo.

Nội dung tố cáo được thụ lý gồm¹⁰

Thời hạn giải quyết tố cáo là ngày làm việc.

Vậy thông báo để⁵ biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tố cáo theo đúng quy định của pháp luật./

.....¹¹

Nơi nhận:

- Người tố cáo;
-⁹;
- Lưu: VT, ...¹² ...¹³.

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ra thông báo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan ra thông báo.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Họ tên, địa chỉ người tố cáo.
- (6) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã chuyển đơn tố cáo (nếu có).
- (7) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo; họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ cá nhân bị tố cáo.
- (8) Tóm tắt nội dung tố cáo.
- (9) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo
- (10) Nội dung tố cáo được thụ lý.
- (11) Chức vụ Thủ trưởng cơ quan gửi thông báo.
- (12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (13) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB -³

.....⁴, ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc không thụ lý tố cáo

Ngày... /.../..., ...² đã nhận được đơn tố cáo của⁵.

Nội dung đơn: Tố cáo⁶ về việc⁷.

(Tố cáo do.....⁸ chuyển đến).

Sau khi nghiên cứu, căn cứ quy định của pháp luật về tố cáo, nội dung tố cáo nêu trên không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết.

Lý do:⁹.

Vậy thông báo để ông (bà) biết./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nơi nhận:

- Người tố cáo;
- Lưu: VT, ...¹⁰¹¹.

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành thông báo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành thông báo.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Họ tên, cấp bậc, chức vụ, địa chỉ của người tố cáo.
- (6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo; họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ cá nhân bị tố cáo.
- (7) Tóm tắt nội dung tố cáo.
- (8) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tên, chức vụ, chức danh người có thẩm quyền đã chuyển tố cáo đó đến người giải quyết tố cáo (nếu có).
- (9) Căn cứ pháp lý đã áp dụng để không thụ lý giải quyết tố cáo (điều, khoản, tên văn bản và nội dung quy định về trường hợp không thụ lý giải quyết tố cáo).
- (10) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (11) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB -³

.....⁴, ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc thụ lý tố cáo tiếp

Ngày... /.../..., ...² đã nhận được đơn tố cáo tiếp của⁵

Nội dung: Tố cáo⁶ về việc⁷

(Tố cáo do⁸ chuyển đến).

Sau khi nghiên cứu, xem xét, các nội dung tố cáo nêu trên đã được.....⁹ giải quyết tại¹⁰ đúng quy định của pháp luật về tố cáo nhưng người tố cáo tiếp tục tố cáo với lý do:¹¹. Do đó, theo quy định của Luật tố cáo, không có cơ sở để thụ lý lại tố cáo nêu trên.

Vậy² thông báo để⁵, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Nơi nhận:

-⁵;
- Lưu: VT, ...¹². ...¹³.

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành thông báo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành thông báo.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Họ tên, cấp bậc, chức vụ, địa chỉ của người tố cáo.
- (6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo; họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ cá nhân bị tố cáo.
- (7) Tóm tắt nội dung tố cáo tiếp.
- (8) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc họ tên, chức vụ, chức danh của cá nhân có thẩm quyền đã chuyển tố cáo tiếp đến người có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo (nếu có).
- (9) Người đã giải quyết tố cáo theo thẩm quyền.
- (10) Nêu tên, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành của các văn bản giải quyết tố cáo.
- (11) Nêu lý do người tố cáo tố cáo tiếp. Trong trường hợp người tố cáo không nêu được lý do tố cáo tiếp thì ghi rõ là "...nhưng người tố cáo tiếp tục tố cáo mà không nêu rõ lý do tố cáo tiếp".
- (12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (13) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ -³

.....⁴, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Thụ lý tố cáo

.....⁵

Căn cứ Luật tố cáo ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật tố cáo.

Căn cứ⁶;

Theo đề nghị của⁷

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thụ lý tố cáo đối với⁸

Nội dung tố cáo được thụ lý gồm:.....⁹

Thời hạn giải quyết tố cáo là ngày làm việc.

Điều 2. ...⁸,¹⁰, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

.....¹¹

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ...¹² ...¹³.

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành quyết định.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Chức danh của người ban hành quyết định.
- (6) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân).
- (7) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, đề xuất thụ lý tố cáo.
- (8) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo; họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ cá nhân bị tố cáo.
- (9) Các nội dung tố cáo được thụ lý.
- (10) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện quyết định thụ lý tố cáo.
- (11) Chức vụ người ký.
- (12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (13) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
.....²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ -³

.....⁴, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Đoàn/Tổ xác minh nội dung tố cáo

.....⁵

Căn cứ Luật tố cáo ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật tố cáo;

Căn cứ⁶;

Căn cứ⁷;

Theo đề nghị của.....⁸

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn/Tổ xác minh nội dung tố cáo, gồm:

1. Đồng chí.....cấp bậc.....chức vụ....., Trưởng đoàn (Tổ trưởng).

2. Đồng chí.....cấp bậc.....chức vụ, Thành viên.

3.

Điều 2. Đoàn/Tổ xác minh có nhiệm vụ kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo
.....⁹

Thời gian tiến hành xác minh là..... ngày, kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Đoàn/Tổ xác minh thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và điểm a, b, c, khoản 2 Điều 11 của Luật tố cáo.

Điều 4. Các đồng chí/ông (bà)¹⁰,¹¹, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan và các đồng chí/ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: VT,¹²¹³

(Chữ ký, dấu)

Cấp bậc, họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.
- (4) Địa danh (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Chức danh của người ban hành quyết định.
- (6) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân).
- (7) Văn bản giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo.
- (8) Người đề nghị thành lập Đoàn/Tổ xác minh nội dung tố cáo.
- (9) Các nội dung tố cáo được giao xác minh.
- (10) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thi hành quyết định xác minh.
- (11) Tên cơ quan, tổ chức bị tố cáo; họ tên, chức vụ, chức danh của cá nhân bị tố cáo.
- (12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (13) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
.....²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ -³⁴, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch xác minh nội dung tố cáo

.....⁵

Căn cứ Luật tố cáo ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật tố cáo;

Căn cứ⁶;

Để thi hành Quyết định số⁷;

Theo đề nghị của⁸

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch xác minh nội dung tố cáo số ngày.../.../..... của về⁹

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.⁸, ...¹⁰, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

.....¹¹

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ...¹² ...¹³.

(Chữ ký, dấu)
(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành quyết định.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Chức danh của người ban hành quyết định.
- (6) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân).
- (7) Số.../QĐ-... ngày.../.../... ban hành quyết định thụ lý tố cáo.
- (8) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đề xuất thụ lý tố cáo.
- (9) Tóm tắt nội dung tố cáo.
- (10) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo; họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ cá nhân bị tố cáo.
- (11) Chức vụ người ký.
- (12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (13) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²
 Số: /KH -³

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁴, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH
Xác minh nội dung tố cáo

Thực hiện Quyết định số:/QĐ-... ngày .../.../... về việc thành lập Đoàn/Tổ xác minh nội dung tố cáo đối với⁵ địa chỉ

Đoàn/Tổ xác minh lập Kế hoạch xác minh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

2. Yêu cầu

II. NỘI DUNG

Căn cứ vào nội dung xác định tại Điều 1 của Quyết định; khi xây dựng nội dung của Kế hoạch phải nêu cụ thể, rõ ràng nội dung cần xác minh.

III. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC VỚI ĐOÀN

- Căn cứ vào đối tượng xác định tại Điều 2 của Quyết định xác minh; khi xác định đối tượng trong kế hoạch, phải nêu cụ thể từng đối tượng có liên quan sẽ xác minh;

- Cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan (nếu có).

IV. THỜI GIAN

1. Từ ngày đến ngày Đoàn/Tổ xác minh, làm công tác chuẩn bị (gửi văn bản, hướng dẫn cho đối tượng xác minh, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chuẩn bị báo cáo hoặc giải trình bằng văn bản theo nội dung xác minh, họp Đoàn xác minh/Tổ xác minh).

2. Từ ngày đến ngày đối tượng xác minh gửi văn bản báo cáo, giải trình về Đoàn/Tổ xác minh.

3. Từ ngày đến ngày công bố quyết định, tiến hành xác minh và kết luận (có Lịch làm việc kèm theo).

4. Từ ngày đến ngày tổng hợp báo cáo cấp trên.

V. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

Trang bị, phương tiện, vật chất ... phục vụ hoạt động của Đoàn/Tổ xác minh và những vật chất đối tượng xác minh phải chuẩn bị (nếu có).

VI. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP

1. Tổ chức

Thành lập Đoàn/Tổ xác minh, gồm: Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các thành viên.

(Trường hợp phức tạp thì có thể chia tách thành từng tổ xác minh phù hợp với thực tiễn công việc).

2. Phương pháp

Tùy theo nội dung, đối tượng của từng cuộc để xác định phương pháp, cách thức tiến hành xác minh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- ...¹ (để b/c);
- Đối tượng xác minh;
- Cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Người bị tố cáo;
- Đoàn/Tổ xác minh;
- Lưu: VT, ...⁸...⁹.

.....⁶

(Chữ ký, dấu-nếu có)

.....⁷

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Tên cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân bị tố cáo.
- (6) Trưởng đoàn/Tổ trưởng.
- (7) Chức vụ chính quyền, người ký kế hoạch.
- (8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (9) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

Phụ lục
LỊCH LÀM VIỆC

(Kèm theo Kế hoạch xác minh nội dung tố cáo số ... /KH-ĐXM
ngày .../.../... của Đoàn/Tổ xác minh)

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân làm việc với Đoàn, Tổ xác minh	Thành phần tham gia	Địa điểm tiến hành	Chủ trì, hoặc phụ trách	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							
6							

.....¹
²
 Số: /BB-³

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁴, ngày tháng năm

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào hồi....giờ....ngày.../.../..., tại ...(nơi Đoàn/Tổ xác minh làm việc với đối tượng xác minh);

Đoàn/Tổ xác minh tố cáo được thành lập theo Quyết định số..../QĐ-... ngày.../.../... của....., gồm:

1. Đồng chí.....cấp bậcchức vụ.....Trưởng đoàn/Tổ trưởng.

2. Đồng chícấp bậc.....chức vụ.....Thành viên

Tiến hành làm việc với:⁵

Nội dung làm việc:⁶

Buổi làm việc kết thúc hồi ... giờ ... phút cùng ngày.

Biên bản này đã được đọc cho những người cùng làm việc nghe và xác nhận dưới đây.

Biên bản được lập thành ... bản và giao cho⁷ ./.

**NHỮNG NGƯỜI CÙNG
LÀM VIỆC...⁸**

**THÀNH VIÊN
ĐOÀN/TỔ XÁC MINH**
(Từng thành viên ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG ĐOÀN/TỔ
TRƯỞNG**

**CHỨC VỤ
(Cấp bậc, họ tên)**

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập Đoàn/Tổ xác minh.
 - (2) Đoàn/Tổ xác minh tố cáo.
 - (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ghi biên bản.
 - (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
 - (5) Họ, tên, chức danh, địa chỉ, số điện thoại liên hệ (nếu có) của những người cùng làm việc.
- Người cùng làm việc có thể là:
- Người tố cáo;
 - Người bị tố cáo;
 - Người làm chứng;
 - Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan.
- (6) Nội dung làm việc; ý kiến của những người cùng làm việc, của thành viên Đoàn/Tổ xác minh.
 - (7) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan được Đoàn/Tổ xác minh giao biên bản.
 - (8) Những người cùng làm việc ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ. Trong trường hợp có người không ký thì trong biên bản phải ghi rõ và đề nghị người làm chứng ký vào biên bản.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... - ...³

.....⁴, ngày tháng năm

V/v cung cấp thông tin, tài
 liệu, bằng chứng

Kính gửi:⁵.

Ngày.../.../...,⁶ đã ban hành Quyết định số..... /QĐ-... thành lập Đoàn/Tổ xác minh nội dung tố cáo. Đoàn/Tổ xác minh đang tiến hành xác minh nội dung sau:

.....⁷

Theo quy định của pháp luật và để phục vụ việc giải quyết tố cáo,² đề nghị⁵ cung cấp cho Đoàn/Tổ xác minh tố cáo những thông tin, tài liệu, bằng chứng sau đây:

.....⁸

Đề nghị⁵ chuẩn bị đầy đủ những thông tin, tài liệu, bằng chứng nêu trên và gửi cho Đoàn/Tổ xác minh tố cáo trước ngày.../.../....

.....⁹

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của⁵./

Nơi nhận:

.....¹⁰

-⁵;
 - Lưu: VT, ...¹¹. ...¹².

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (2) Chữ viết tắt tên cơ quan đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (6) Người giải quyết tố cáo hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo đã ban hành quyết định thành lập Đoàn/Tổ xác minh nội dung tố cáo.
- (7) Nội dung tố cáo được giao xác minh (liên quan đến các thông tin, tài liệu, bằng chứng đang đề nghị cung cấp).
- (8) Các thông tin, tài liệu, bằng chứng yêu cầu cung cấp.
- (9) Địa chỉ nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng hoặc người được giao trực tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (10) Chức danh Thủ trưởng cơ quan đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (11) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (12) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²
 Số: /BN-³

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁴, ngày tháng năm

GIẤY BIÊN NHẬN
Tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng
liên quan đến nội dung tố cáo

Vào hồi giờ ngày .../.../...., tại⁵
 Bên nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng:⁶
 Bên giao thông tin, tài liệu, bằng chứng:⁷
 Đã giao, nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng sau đây:
 1.⁸
 2.
 3.
 Giấy biên nhận này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

BÊN NHẬN

(Chữ ký, dấu-nếu có)

(Cấp bậc, họ tên)

BÊN GIAO

(Chữ ký, dấu-nếu có)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp .
- (2) Tên cơ quan tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ghi giấy biên nhận.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Địa điểm giao, nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (6) Họ, tên, chức danh, đơn vị công tác của người nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (7) Họ, tên, chức danh, đơn vị công tác của người giao thông tin, tài liệu, bằng chứng.
- (8) Loại thông tin, vật mang tin, tên, số trang, tình trạng tài liệu, bằng chứng.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... -³

.....⁴, ngày tháng năm

V/v trưng cầu giám định

Kính gửi:⁵.

Để có cơ sở cho việc kết luận nội dung tố cáo bảo đảm chính xác, khách quan,² trưng cầu giám định các thông tin, tài liệu, bằng chứng sau đây:

.....⁶

Đề nghị⁵ giám định và gửi kết quả cho² trước ngày ... tháng ... năm

.....² cử Đồng chí⁷ là thành viên Tổ xác minh tố cáo trực tiếp bàn giao các tài liệu, bằng chứng và nhận kết quả giám định.

Kinh phí giám định (nếu phải chi trả) do² chi trả theo quy định.

Rất mong sự quan tâm, hợp tác của⁵./.

.....⁸

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁷;
-⁹;
- Lưu: VT, ...¹⁰¹¹.

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành công văn.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan, đơn vị ban hành công văn.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Tên cơ quan trưng cầu giám định.
- (6) Các thông tin, tài liệu, bằng chứng đề nghị giám định và nội dung cần giám định.
- (7) Họ, tên, cấp bậc, chức vụ, chức danh của người được cử bàn giao thông tin, tài liệu, bằng chứng, tiếp nhận kết quả giám định.
- (8) Chức danh Thủ trưởng cơ quan đề nghị giám định.
- (9) Đơn vị, bộ phận quản lý tài chính của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị trưng cầu giám định.
- (10) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (11) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
.....²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... - ...³

....⁴, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Gia hạn giải quyết tố cáo

.....⁵

Căn cứ Luật tố cáo ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật tố cáo;

Căn cứ⁶;

Theo đề nghị của.....⁷

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giải quyết tố cáo đối với⁸ về việc⁹ đã được
thụ lý tại Quyết định¹⁰

Thời gian gia hạn là..... ngày làm việc, kể từ ngày¹¹

Điều 2.⁸,¹² chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

.....¹³

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ...¹⁴ ...¹⁵.

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định gia hạn giải quyết tố cáo .
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ra quyết định.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Chức danh của người có thẩm quyền ban hành quyết định.
- (6) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân).
- (7) Người đề nghị gia hạn.
- (8) Tên cơ quan, đơn vị bị tố cáo; họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ của cá nhân bị tố cáo.
- (9) Tóm tắt nội dung vụ việc bị tố cáo.
- (10) Số, ngày, tháng, năm ban hành và người ban hành quyết định thụ lý.
- (11) Ngày hết hạn giải quyết tố cáo theo quyết định thụ lý.
- (12) Tên cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quyết định.
- (13) Chức vụ Thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định.
- (14) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (15) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-³

.....⁴, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Kết quả xác minh nội dung tố cáo

Thực hiện Quyết định số .../QĐ ... ngày .../.../... của.....⁵.
 Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../..., Đoàn/Tổ xác minh đã tiến hành xác
 minh nội dung tố cáo của ông (bà): ... Địa chỉ ...tố cáo đối với ...⁶ về⁷.
 Đoàn/Tổ xác minh báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo, như sau:

- 1. Kết quả xác minh.....⁸
- 2. Nhận xét, đánh giá:.....⁹
- 3. Kiến nghị:.....¹⁰

Trên đây là báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo, đề nghị⁵ xem
 xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- ...⁵,
- Lưu: VT, ...¹².¹³.

.....¹¹

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định thành lập Đoàn/Tổ xác minh.
 - (2) Đoàn/Tổ xác minh tố cáo.
 - (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo.
 - (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
 - (5) Người ban hành, trích yếu quyết định thành lập Đoàn/Tổ xác minh.
 - (6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ của cá nhân bị tố cáo.
 - (7) Tóm tắt nội dung tố cáo.
 - (8) Báo cáo kết quả xác minh theo từng nội dung tố cáo, trong đó nêu cụ thể hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo, nội dung giải trình của người bị tố cáo; phân tích, đánh giá thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo.
 - (9) Nhận xét, đánh giá theo từng nội dung tố cáo, trong đó nêu rõ nội dung tố cáo là tố cáo đúng, đúng một phần hoặc sai; việc cố ý tố cáo sai (nếu có); nhận xét, đánh giá về hành vi vi phạm pháp luật của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác (nếu có); nguyên nhân, trách nhiệm của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong những nội dung tố cáo đúng hoặc đúng một phần; thiệt hại về vật chất, tinh thần do hành vi vi phạm pháp luật gây ra; đối tượng bị thiệt hại; những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có) và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong Đoàn/Tổ xác minh (nếu có).
 - (10) Kiến nghị với người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm, khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.
 - (11) Trưởng Đoàn/Tổ trưởng tổ xác minh.
 - (12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
 - (13) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.
- * Trưởng đoàn/Tổ trưởng Tổ xác minh nội dung tố cáo ký vào từng trang của Báo cáo.

.....¹
²
 Số: _____/BC -³

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
⁴, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Kết quả xác minh nội dung tố cáo

Thực hiện Quyết định số .../QĐ-... ngày .../.../.... của⁵ về việc thụ lý giải quyết tố cáo và giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo;
² đã thành lập Đoàn/Tổ xác minh nội dung tố cáo đối với⁶
 về.....⁷

Căn cứ Báo cáo của Đoàn/Tổ xác minh về kết quả xác minh nội dung tố cáo và các thông tin, tài liệu, bằng chứng có liên quan, ...² báo cáo ...⁵ như sau:

- 1. Kết quả xác minh nội dung tố cáo:⁸
- 2. Kết luận nội dung xác minh:⁹
- 3. Kiến nghị:¹⁰

Trên đây là báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo, đề nghị ...⁵ xem xét, kết luận./.

.....¹¹
 (Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:

- Thủ trưởng ...¹;
- Lưu: VT, ...¹² ...¹³.

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị được giao xác minh nội dung tố cáo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị được giao xác minh nội dung tố cáo.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Người giải quyết tố cáo.
- (6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ của cá nhân bị tố cáo.
- (7) Tóm tắt nội dung tố cáo.
- (8) Báo cáo kết quả xác minh theo từng nội dung tố cáo, trong đó nêu cụ thể hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo, nội dung giải trình của người bị tố cáo; phân tích, đánh giá thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo.
- (9) Kết luận từng nội dung tố cáo, trong đó nêu rõ nội dung tố cáo là tố cáo đúng, đúng một phần hoặc sai; việc cố ý tố cáo sai (nếu có); kết luận về hành vi vi phạm pháp luật của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác (nếu có); nguyên nhân, trách nhiệm của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong những nội dung tố cáo đúng hoặc đúng một phần; thiệt hại về vật chất, tinh thần do hành vi vi phạm pháp luật gây ra; đối tượng bị thiệt hại; những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có) và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong quá trình xác minh nội dung tố cáo (nếu có).
- (10) Kiến nghị với người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm, khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.
- (11) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao xác minh nội dung tố cáo.
- (12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (13) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²
 Số: /KL -³

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
⁴, ngày tháng năm

KẾT LUẬN
Nội dung tố cáo đối với.....⁵

Ngày .../.../...,² đã ban hành Quyết định số .../QĐ-... thụ lý tố cáo đối với⁵

Căn cứ nội dung tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, các tài liệu, chứng cứ có liên quan đã thu thập, đối chiếu với các quy định của pháp luật, ...² kết luận nội dung tố cáo như sau:

1. Kết quả xác minh nội dung tố cáo:⁶
2. Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật.⁷
3. Kết luận:.....⁷
4. Xử lý và kiến nghị:⁸ /.

Nơi nhận:

-¹;
 -¹⁰,¹¹,¹²,¹³ (mỗi đ/v 1 dòng);
 - Lưu: VT,¹⁴,¹⁵.

.....⁹

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết tố cáo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị được giao giải quyết tố cáo.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo; họ tên, chức vụ, địa chỉ cá nhân bị tố cáo.
- (6) Kết quả xác minh theo từng nội dung tố cáo, trong đó nêu cụ thể hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo, nội dung giải trình của người bị tố cáo; phân tích, đánh giá thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo.
- (7) Kết luận từng nội dung tố cáo, trong đó nêu rõ nội dung tố cáo là tố cáo đúng, đúng một phần hoặc sai; việc cố ý tố cáo sai (nếu có) kết luận về hành vi vi phạm pháp luật của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác (nếu có); nguyên nhân, trách nhiệm của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong những nội dung tố cáo đúng hoặc đúng một phần; thiệt hại về vật chất, tinh thần do hành vi vi phạm pháp luật gây ra; đối tượng bị thiệt hại; những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có) và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.
- (8) Các biện pháp người giải quyết tố cáo áp dụng để trực tiếp xử lý vi phạm, buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra; nội dung chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của người giải quyết tố cáo và nội dung kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng biện pháp theo thẩm quyền để xử lý vi phạm, buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra.
- (9) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao giải quyết tố cáo.
- (10) Cơ quan thanh tra nhà nước cấp trên.
- (11) Cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp.
- (12) Người bị tố cáo (trong trường hợp văn bản kết luận có thông tin thuộc bí mật nhà nước, thông tin có hại cho người tố cáo thì phải trích văn bản, lược bỏ thông tin đó trước khi gửi cho người bị tố cáo).
- (13) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được nhận kết luận.
- (14) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (15) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... -³

.....⁴, ngày tháng năm

V/v chuyển hồ sơ sang cơ
 quan điều tra

Kính gửi:⁵

Qua giải quyết tố cáo đối với⁶ đã phát hiện hành vi vi phạm pháp
 luật có dấu hiệu phạm tội⁷

Căn cứ quy định của Luật tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành,
² chuyển hồ sơ vụ việc nêu trên để⁵ xem xét, giải quyết theo quy
 định của pháp luật./.

.....⁸

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁹;
- Lưu: VT, ...¹⁰¹¹.

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị chuyển hồ sơ vụ việc.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị được giao chuyển hồ sơ vụ việc.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Tên cơ quan điều tra.
- (6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ của cá nhân bị tố cáo.
- (7) Ghi rõ dấu hiệu phạm tội.
- (8) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao chuyển hồ sơ.
- (9) Cơ quan thanh tra nhà nước cấp trên và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp.
- (10) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (11) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

.....¹
²
 Số: /BB-³

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁴, ngày ... tháng ... năm...

BIÊN BẢN
Bàn giao hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm

Thực hiện Công văn số ... ngày .../.../..., của về việc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra;

Vào hồigiờ ngày .../.../..., tại⁵ (gọi tắt là Bên giao) bàn giao hồ sơ vụ việc có dấu hiệu của tội phạm cho⁶ (gọi tắt là Bên nhận).

1. Đại diện Bên giao

- Đồng chí..... cấp bậcchức vụ
- Đồng chí..... cấp bậcchức vụ

2. Đại diện Bên nhận

- Đồng chí..... cấp bậcchức vụ ... Chức vụ:
- Đồng chí..... cấp bậcchức vụ ... Chức vụ:

Hồ sơ giao, nhận gồm các thông tin, tài liệu, bằng chứng được liệt kê trong mục lục hồ sơ kèm theo Biên bản này.

Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

BÊN GIAO

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

BÊN NHẬN

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị chuyển hồ sơ vụ việc.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ghi biên bản.
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Tên cơ quan, đơn vị trực tiếp giao hồ sơ.
- (6) Tên cơ quan, đơn vị trực tiếp nhận hồ sơ.

Phụ lục
MỤC LỤC HỒ SƠ

*(Kèm theo Biên bản bàn giao hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm
sang cơ quan điều tra số.../BB-... ngày .../.../...)*

STT	Số công văn, thời gian ban hành	Cơ quan ban hành	Tên tài liệu	Số trang	Ghi chú

BÊN GIAO HỒ SƠ
(Ký ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN HỒ SƠ
(Ký ghi rõ họ tên)

.....¹
²
 Số: /TB -³

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁴, ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Kết luận giải quyết tố cáo

Ngày.../.../..., ...⁵ đã có kết luận nội dung tố cáo đối với⁶.

Theo quy định của pháp luật về tố cáo và theo yêu cầu của người tố cáo là ông (bà), địa chỉ:

.....² thông báo kết luận giải quyết tố cáo nêu trên như sau:

.....⁷

Vậy.....² thông báo để ông (bà) biết./.

Nơi nhận:

- Người tố cáo;
-⁹;
-¹⁰;
- Lưu: VT, ...¹¹.¹².

.....⁸

(Chữ ký, dấu)

(Cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ban hành thông báo.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ban hành thông báo .
- (4) Địa danh cơ quan, đơn vị (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- (5) Người giải quyết tố cáo.
- (6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo/họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ cá nhân bị tố cáo.
- (7) Kết quả xác minh, kết luận nội dung tố cáo, văn bản xử lý tố cáo.
- (8) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành thông báo.
- (9) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền đã chuyển tố cáo đến người giải quyết tố cáo (nếu có).
- (10) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xác minh nội dung tố cáo.
- (11) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- (12) Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.